



Mã nhận dạng 03541

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Sử dụng máy(207310)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **001_DH18CK_01**

Tên CBGD **Đặng Hữu Dũng**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 12%	Đ2 20%	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK			1	1,2	4,6	6,8	0012345678910	0123456789
2	18118010	Nguyễn Hoàng Chinh	DH18CK			0,5	0,5	6,7	7,7	0012345678910	0123456789
3	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK			0,8	1,2	6,7	8,7	0012345678910	0123456789
4	16118025	Nguyễn Châu Chí Cường	DH16CK			0,4	1,2	4,6	6,2	0012345678910	0123456789
5	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK			0,8	1	6,7	8,5	0012345678910	0123456789
6	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK							0012345678910	0123456789
7	18118023	Nguyễn Tấn Diện	DH18CK			0,7	0	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
8	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK			0,8	0,5	4,2	5,5	0012345678910	0123456789
9	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK			0,7	0,5	4,6	5,8	0012345678910	0123456789
10	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK			0,8	1	6,7	8,5	0012345678910	0123456789
11	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK			0,7	0,2	6,3	7,2	0012345678910	0123456789
12	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK			0,8	1,5	6	8,3	0012345678910	0123456789
13	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK			0,8	1,2	6,3	8,3	0012345678910	0123456789
14	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK			0,8	0,6	6,3	7,7	0012345678910	0123456789
15	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK			0,8	1	6,7	8,5	0012345678910	0123456789
16	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK			0,8	0,5	6,7	8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03541

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Sử dụng máy(207310)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 001_DH18CK_01

Tên CBGD Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm 7 thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK	<i>Huy</i>		0,7	0,7	6,7	8,1	0012345678910	0123456789
18	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK	<i>Huy</i>		0,8	0,4	6,3	7,5	0012345678910	0123456789
19	18118051	Bùi Huynh	DH18CK	<i>Huynh</i>		0,7	0,2	6,7	7,6	0012345678910	0123456789
20	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK	<i>Khang</i>		0,8	0,6	4,2	5,6	0012345678910	0123456789
21	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK	<i>Khoa</i>		0,8	1	6,3	8,8	0012345678910	0123456789
22	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK	<i>Long</i>		0,8	0,6	6,3	7,7	0012345678910	0123456789
23	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK	<i>Long</i>		0,7	1	6,7	8,4	0012345678910	0123456789
24	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK	<i>Long</i>		0,8	0,5	6,7	8	0012345678910	0123456789
25	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK	<i>Long</i>		0,8	1	6,7	8,5	0012345678910	0123456789
26	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK	<i>Lộc</i>		0,7	0,5	6,7	7,9	0012345678910	0123456789
27	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK	<i>Mạnh</i>		0,7	1	6,7	8,4	0012345678910	0123456789
28	17118059	Nguyễn Hoàng Yến Mi	DH17CK	<i>Yến</i>		0,5	0,5	4,6	6,6	0012345678910	0123456789
29	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK	<i>Minh</i>		0,7	0,2	6	6,9	0012345678910	0123456789
30	16118102	Phạm Nhật Minh	DH16CK	<i>Minh</i>		1	1	6,3	8,3	0012345678910	0123456789
31	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK	<i>Nghĩa</i>		0,8	0,5	6,3	8,6	0012345678910	0123456789
32	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK	<i>Nguyên</i>		0,7	0,5	6,7	8,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03541

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Sử dụng máy(207310)**

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **001_DH18CK_01**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **14:45**

Số Tín Ch 2

Tên CBGD **Đặng Hữu Dũng**

Phòng Thi **TV301**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm 7thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK			0,8	1	6,7	8,5	0012345678910	0123456789
34	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789
35	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK			0,8	1	6,7	8,5	0012345678910	0123456789
36	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK			0,8	0,2	6,7	7,7	0012345678910	0123456789
37	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK			0,8	1	5,3	7,1	0012345678910	0123456789
38	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK			0,8	1	6,3	8,1	0012345678910	0123456789
39	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK			0,7	1	4,2	5,9	0012345678910	0123456789
40	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK			0,8	0	3,9	4,7	0012345678910	0123456789
41	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK			0,6	0,5	4,2	5,3	0012345678910	0123456789
42	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK			0,7	1	4,2	5,9	0012345678910	0123456789
43	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK			0,9	1,2	7	9,1	0012345678910	0123456789
44	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK			0,7	1,6	4,2	6,5	0012345678910	0123456789
45	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK			0,8	1,2	4,9	6,9	0012345678910	0123456789
46	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK			0,8	0,4	6,7	7,9	0012345678910	0123456789
47	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK			0,8	1	6,7	8,5	0012345678910	0123456789
48	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK			0,8	1,2	6	8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03541

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Sử dụng máy(207310)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **001_DH18CK_01**

Tên CBGD **Đặng Hữu Dũng**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV301**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK			0,8	1	6	7,8	0012345678910	0123456789
50	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK			0,6	1	3,9	5,5	0012345678910	0123456789
51	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK			0,6	0,6	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
52	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK			0,8	1	6,3	8,1	0012345678910	0123456789
53	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK			0,8	0,5	6,7	8	0012345678910	0123456789
54	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK			0,8	0,5	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
55	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK			1	1	6,7	8,7	0012345678910	0123456789
56	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK			0,8	0,6	6,7	8,1	0012345678910	0123456789
57	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK			0,8	1	5,3	7,1	0012345678910	0123456789
58	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK			0,8	1	6,7	8,5	0012345678910	0123456789
59	17118130	Huỳnh Anh Tú	DH17CK							0012345678910	0123456789
60	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK			0,7	0,6	6,5	7,8	0012345678910	0123456789
61	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK			0,8	0,6	5,3	6,7	0012345678910	0123456789
62	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK			0,8	0,6	6,7	8,1	0012345678910	0123456789
63	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK			0,8	0,7	6,7	8,2	0012345678910	0123456789
64	18118182	Ngô Văn Viết	DH18CK			0,8	0,5	6,7	8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03541

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Sử dụng máy(207310)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 001_DH18CK_01

Tên CBGD Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV301

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 w %	Đ2 w %	Điểm 7thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK	Vinh		0,7	1	6,3	8	0012345678910	0123456789
66	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK			0,8	8	4,6	6,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 64 Số sinh viên vắng ...02

Ngày 22 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lam

Nguyễn Như Long

Ng. Đm. Khue

Đặng Hữu Dũng



Mã nhận dạng 10479

Trang 1/1

Tu: 25

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Sử dụng máy (207310) - 01, 001 - Tiết 10 - TV301 - 4/8/22

CBGD: Đặng Hữu Dũng (315)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm 7thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK			0,8	1,4	6,7	8,9	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Duy Lam

Nguyễn Nhật Long

Nguyễn Đoàn Khanh

Đặng Hữu Dũng



Mã nhận dạng 03542

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cấu tạo động cơ - máy kéo(207330)**

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi **DH19CKC_01**

Tổ Thi

001_DH19CKC_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC			7.0	8.0	4.5	5.7	0012345678910	0123456789
2	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC			8.0	9.0	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
3	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC			7.8	8.0	4.0	5.6	0012345678910	0123456789
4	19118295	Huỳnh Tấn Học	DH19CKC			8.9	8.0	6.0	7.0	0012345678910	0123456789
5	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC			8.0	8.0	4.2	5.7	0012345678910	0123456789
6	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC			6.9	9.0	4.7	6.0	0012345678910	0123456789
7	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC			7.0	8.5	3.2	5.0	0012345678910	0123456789
8	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC			6.1	7.0	2.5	4.1	0012345678910	0123456789
9	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC			7.6	7.0	5.3	6.1	0012345678910	0123456789
10	19118304	Phan Sáng	DH19CKC			8.2	9.0	5.3	6.6	0012345678910	0123456789
11	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC			7.8	7.0	3.5	5.1	0012345678910	0123456789
12	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC			7.7	7.5	5.0	6.0	0012345678910	0123456789
13	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC			8.0	9.0	3.5	5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03542

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cấu tạo động cơ - máy kéo(207330)**

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi **DH19CKC_01**

Tổ Thi

001_DH19CKC_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 90%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	-----------	-----------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng 0

Ngày 08 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Nguyễn Văn Tuấn Anh


Hồ Văn Nghi


Nguyễn Mạnh Nghi


Nguyễn Văn Tuấn Anh



Mã nhận dạng 03543

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Động cơ đốt trong(207333)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_01**

Tổ Thi **001_DH19CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Tuấn Anh**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118006	Nguyễn Thành Băng	DH19CK			8.0	8.0	5.0	6.2	0012345678910	0123456789
2	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK			6.9	8.0	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
3	19118010	Lê Thái Thiên Bảo	DH19CK			7.1	8.0	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
4	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK			8.2	8.0	5.0	6.2	0012345678910	0123456789
5	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK			6.7	8.0	3.5	5.0	0012345678910	0123456789
6	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK			7.7	8.0	7.0	7.3	0012345678910	0123456789
7	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK			7.5	8.0	5.0	6.1	0012345678910	0123456789
8	19118030	Chê Nguyễn Văn Danh	DH19CK			7.0	7.5	3.5	5.0	0012345678910	0123456789
9	19118031	Trần Đức Danh	DH19CK			7.7	8.0	4.0	5.5	0012345678910	0123456789
10	13118095	Lưu Trần Tấn Duy	DH13CK			6.5	8.0	4.3	5.5	0012345678910	0123456789
11	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK			8.6	8.0	3.0	5.1	0012345678910	0123456789
12	19118029	Nguyễn Hữu Đăng	DH19CK			7.8	8.0	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
13	19118034	Nguyễn Công Đạt	DH19CK						✓	0012345678910	0123456789
14	19118040	Lê Văn Đô	DH19CK			8.2	8.0	3.0	5.0	0012345678910	0123456789
15	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK			5.9	8.0	2.5	4.1	0012345678910	0123456789
16	19118064	Ngô Thành Hiệp	DH19CK							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03543

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CK_01

Tổ Thi 001_DH19CK_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118072	Lăng Ngọc	Hoàng	DH19CK		3.7	8.0	25	3.8	0012345678910	0123456789
18	19118076	Nguyễn Việt	Hoàng	DH19CK		8.5	8.0	4.5	6.0	0012345678910	0123456789
19	19118088	Hà Quang	Huy	DH19CK		6.3	8.0	4.5	5.6	0012345678910	0123456789
20	19118093	Nguyễn Minh	Huy	DH19CK		6.9	8.0	3.0	4.8	0012345678910	0123456789
21	19118081	Ngô Trung	Hưng	DH19CK		8.6	7.5	5.0	6.2	0012345678910	0123456789
22	19118083	Nguyễn Duy	Hưng	DH19CK		8.1	8.0	5.0	6.2	0012345678910	0123456789
23	19118111	Đặng Hoàng	Kiệt	DH19CK		8.5	8.0	4.5	6.0	0012345678910	0123456789
24	19118112	Ngô Tấn	Kiệt	DH19CK		8.2	8.0	4.8	6.1	0012345678910	0123456789
25	19118113	Nguyễn Duy	Kiệt	DH19CK		8.0	8.5	4.5	6.0	0012345678910	0123456789
26	19118118	Nguyễn Tùng	Lâm	DH19CK		6.0	9.0	4.5	5.7	0012345678910	0123456789
27	19118121	Nguyễn Cảnh	Liêm	DH19CK		7.4	9.0	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
28	19118123	Nguyễn Như	Linh	DH19CK					✓	0012345678910	0123456789
29	19118127	Nguyễn Bình	Lộc	DH19CK		7.7	8.0	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
30	19118128	Trần Thanh	Lộc	DH19CK		9.2	8.0	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
31	19118129	Nguyễn Bá	Lợi	DH19CK		8.1	8.0	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
32	19118137	Bùi Duy	Lũy	DH19CK		8.4	7.0	4.0	5.5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03543

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CK_01

Tổ Thi 001_DH19CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

TV102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 90%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118142	Đặng Nguyễn Nhật Minh	DH19CK						✓	0012345678910	0123456789
34	19118144	Lê Trần Nhật Minh	DH19CK			7.2	7.0	5.0	5.8	0012345678910	0123456789
35	19118147	Hoàng Phương	DH19CK			7.1	8.0	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
36	19118148	Huỳnh Hoài	DH19CK			6.4	8.0	2.0	4.1	0012345678910	0123456789
37	19118149	Lâm Nhật	DH19CK			6.4	9.0	5.0	6.1	0012345678910	0123456789
38	19118151	Trần Duy Nhật	DH19CK			6.1	8.5	3.5	5.0	0012345678910	0123456789
39	19118167	Phạm Thế	DH19CK			7.2	8.0	6.0	6.6	0012345678910	0123456789
40	19118168	Thân Văn	DH19CK			7.6	8.0	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
41	19118171	Trần Trường	DH19CK			7.1	8.0	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
42	19118183	Phạm Công	DH19CK			6.3	8.0	3.5	5.0	0012345678910	0123456789
43	19118184	Phạm Minh	DH19CK			7.8	8.0	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
44	19118189	Lê Vinh	DH19CK			8.0	8.0	0.8	3.7	0012345678910	0123456789
45	19118187	Trương Quang	DH19CK			7.8	8.0	2.5	4.7	0012345678910	0123456789
46	19118191	Trương Thanh	DH19CK			9.4	8.0	8.0	8.3	0012345678910	0123456789
47	19118193	Huỳnh Văn	DH19CK			8.1	8.0	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
48	19118198	Nguyễn Trường	DH19CK			5.4	8.0	5.5	6.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03543

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CK_01

Tổ Thi 001_DH19CK_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV102

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK			6.9	8.0	5.0	6.0	0012345678910	0123456789
50	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK			8.8	8.0	5.0	6.4	0012345678910	0123456789
51	19118212	Trần Quốc Thắng	DH19CK			7.5	8.0	1.5	4.0	0012345678910	0123456789
52	19118222	Nguyễn Trần Xuân Thiên	DH19CK			3.5	8.0	3.5	4.4	0012345678910	0123456789
53	19118232	Ngô Kế Minh Thuận	DH19CK			5.7	8.0	3.0	4.5	0012345678910	0123456789
54	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK			7.2	8.5	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
55	19118242	Phan Đặng Hoài Tinh	DH19CK			7.5	8.0	3.5	5.2	0012345678910	0123456789
56	19118252	Nguyễn Trần Minh Trí	DH19CK			6.3	8.5	5.0	6.0	0012345678910	0123456789
57	19118257	Trương Minh Trung	DH19CK			7.0	8.5	4.8	6.0	0012345678910	0123456789
58	14118293	Lê Văn Trúng	DH14CK			4.6	8.0	3.5	4.6	0012345678910	0123456789
59	19118259	Nguyễn Đức Trường	DH19CK			7.5	8.0	4.0	5.5	0012345678910	0123456789
60	19118264	Cao Linh Tuấn	DH19CK			8.2	8.0	5.0	6.2	0012345678910	0123456789
61	19118271	Phạm Bá Tường	DH19CK			8.0	8.0	3.7	5.4	0012345678910	0123456789
62	19118272	Nguyễn Quốc Vĩ	DH19CK			7.2	9.0	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
63	19118274	Tăng Quốc Việt	DH19CK			8.7	8.0	4.5	6.0	0012345678910	0123456789
64	19118276	Phạm Thái Bảo Vinh	DH19CK			7.7	8.0	2.0	4.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03543

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Động cơ đốt trong(207333)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CK_01

Tổ Thi 001_DH19CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

TV102

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118282	Nguyễn Quốc Vương	DH19CK			8.3	7.0	3.5	5.2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 08 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Tuấn Anh/Hồ Văn Nghi

Nguyễn Thanh Nghi

Nguyễn Văn Tuấn Anh



Túi 26

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Động cơ đốt trong (207333) - 01.001 - Tiết 10 - 4/8/22 - TV 102

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT	<i>Đạo</i>		9.0	9.5	5.5	7.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT	<i>Huy</i>		8.0	10.0	3.0	5.2	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT	<i>Khải</i>		9.0	10.0	2.5	5.2	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT	<i>Sỹ</i>		8.0	10.0	3.0	5.2	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT	<i>Tín</i>		8.0	10.0	1.5	4.3	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	19154168	Lê Chánh Tính	DH19OT	<i>Tính</i>		8.0	9.5	5.0	6.4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT	<i>Việt</i>		8.0	8.0	2.5	4.7	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Hồ Văn Nghi

Nguyễn Mạnh Nghi

Nguyễn Văn Tuấn Anh



Túi 26

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Động cơ đốt trong (207333) - 02

01.001 - Tiết 10 - 4/7/22 - TV 102

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT			8.0	10.0	4.5	6.1	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19154170	Hoàng Ngọc Tinh	DH19OT			8.0	9.5	3.0	5.2	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Nguyễn Thanh Nghi

Nguyễn Văn Tuấn Anh



Mã nhận dạng 03544

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Thiết bị lạnh(207416)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tổ Thi 001_DH19CKC_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 07/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm tổng	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC				8	4	5.6	0012345678910	0123456789
2	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC				8	4	5.6	0012345678910	0123456789
3	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC				8	3	5.0	0012345678910	0123456789
4	19118295	Huỳnh Tấn Học	DH19CKC				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
5	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC				8	4	5.6	0012345678910	0123456789
6	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC				9	1.5	4.5	0012345678910	0123456789
7	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC				8	1.5	4.1	0012345678910	0123456789
8	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC				8	1.5	4.1	0012345678910	0123456789
9	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
10	19118304	Phan Sáng	DH19CKC				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
11	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC				8	1.5	4.1	0012345678910	0123456789
12	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
13	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC				8	2	4.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03544

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Thiết bị lạnh(207416)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tổ Thi 001_DH19CKC_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 07/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khóa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ đốt trong (207740) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT						6.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT						7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19154032	Võ Trùng Dương	DH19OT						7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT						8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT						8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19154046	Phạm Quang Hiếu	DH19OT						6.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT						8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT						7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT						8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19154069	Phạm Đỗ Bảo Khang	DH19OT						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19154070	Phan Văn Khang	DH19OT						7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT						7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT						7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT						7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19154106	Dương Hoài Nhân	DH19OT						7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	17154066	Đinh Xuân Nhật	DH17OT						7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ đốt trong (207740) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154104	Trần Thanh Nguyễn	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
18	19154119	Phạm Gia Phúc	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
19	17154072	Trần Thanh Phúc	DH17OT						8.0	0012345678910	0123456789
20	19154139	Dương Bảo Thái	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
21	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT						6.0	0012345678910	0123456789
22	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT						9.0	0012345678910	0123456789
23	19154141	Nguyễn Quốc Thắng	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
24	19154158	Trần Hữu Thiện	DH19OT						6.5	0012345678910	0123456789
25	18154123	Trương Văn Thục	DH18OT						7.0	0012345678910	0123456789
26	19154182	Đoàn Phạm Thanh Tùng	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Tuấn Anh

TS. Nguyễn Thanh Ngà

Nguyễn Văn Tuấn Anh



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ đốt trong (207740) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
2	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
3	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
4	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT						6.5	0012345678910	0123456789
5	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
6	19154041	Đào Đức Hiền	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
7	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT						9.0	0012345678910	0123456789
8	19154063	Trịnh Nhật Huy	DH19OT						8.5	0012345678910	0123456789
9	19154072	Hồ Trường Quốc Khánh	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
10	19154073	Nguyễn Duy Khánh	DH19OT						8.5	0012345678910	0123456789
11	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT						8.5	0012345678910	0123456789
12	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT						8.0	0012345678910	0123456789
13	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT						6.0	0012345678910	0123456789
14	19154082	Đặng Quang Lâm	DH19OT						7.5	0012345678910	0123456789
15	19154090	Trịnh Đình Vũ Long	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
16	19154092	Trần Đức Mạnh	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ đốt trong (207740) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154093	Nguyễn Lê Anh Minh	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
18	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
19	19154101	Dương Trọng Ngôn	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
20	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT						8.5	0012345678910	0123456789
21	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
22	19154136	Phạm Văn Tân	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
23	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
24	19154196	Thạch Thanh Vũ	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
25	19154197	Trần Thế Vỹ	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 00

Hiện diện: 25

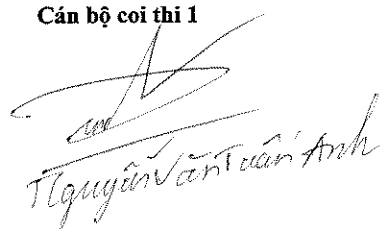
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

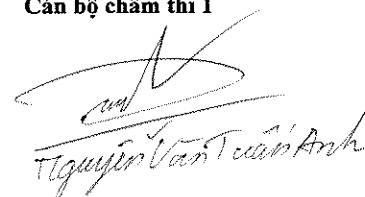
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Văn Tuấn Anh


TS. Nguyễn Xuân Nghị


Nguyễn Văn Tuấn Anh



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ đốt trong (207740) - 05

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154048	Trần Hòa	DH19OT						8.5	0012345678910	0123456789
2	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
3	19154087	Nguyễn Minh Lộc	DH19OT						9.0	0012345678910	0123456789
4	19154108	Trương Minh Nhật	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
5	18154092	Chau Sô Phát	DH18OT						✓	0012345678910	0123456789
6	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT						8.5	0012345678910	0123456789
7	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
8	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
9	19154137	Huỳnh Anh Tấn	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
10	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT						6.0	0012345678910	0123456789
11	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
12	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT						9.0	0012345678910	0123456789
13	19154151	Trần Trí Thành	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
14	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT						8.0	0012345678910	0123456789
15	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
16	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ đốt trong (207740) - 05

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154173	Trần Hải Triều	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
18	19154174	Nguyễn Văn Triệu	DH19OT						6.5	0012345678910	0123456789
19	19154176	Nguyễn Lập Trường	DH19OT						6.5	0012345678910	0123456789
20	19154177	Nguyễn Nguyên Trường	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
21	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
22	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT						6.5	0012345678910	0123456789
23	19154185	Trần Lâm Tùng	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
24	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
25	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 24

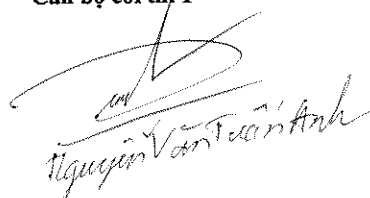
Cán bộ coi thi 1

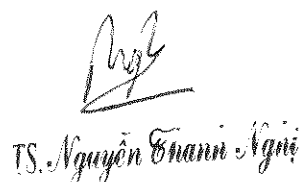
Cán bộ coi thi 2

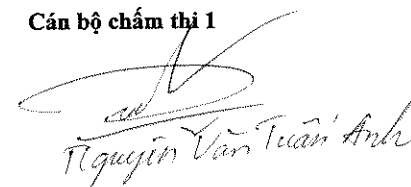
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Văn Tuấn Anh


TS. Nguyễn Xuân Nghị


Nguyễn Văn Tuấn Anh

Hoc kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT						7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT						7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19154014	Vũ Thành Công	DH19OT						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT						7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT						8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT						8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19154059	Nguyễn Ngô Nhật Huy	DH19OT						8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19154065	Diệp Vĩ Khang	DH19OT						7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT						8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT						8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19154081	Trương Bảo Lam	DH19OT						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19154089	Trần Đức Lợi	DH19OT						8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT						8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19154099	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19OT						9.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19154100	Trần Hoàng Nghiêm	DH19OT						8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19154102	Nguyễn Cao Nguyên	DH19OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ đốt trong (207740) - 06

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
18	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
19	19154129	Phạm Ngọc Sang	DH19OT						7.5	0012345678910	0123456789
20	19154142	Nguyễn Bảo Thanh	DH19OT						8.5	0012345678910	0123456789
21	19154145	Hồ Phan Long Thành	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
22	19154147	Lê Văn Thành	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
23	19154148	Lương Tấn Thành	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
24	19154162	Sơn Minh Thuận	DH19OT						6.0	0012345678910	0123456789
25	19154165	Lê Việt Tiệp	DH19OT						6.0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 03

Hiện diện: 22

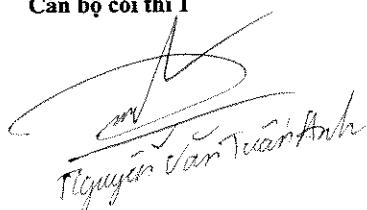
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

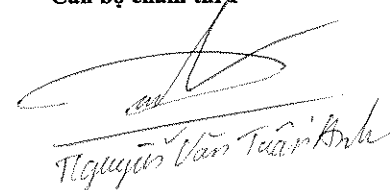
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Văn Tuấn Anh


TS. Nguyễn Văn Tuấn Anh


Nguyễn Văn Tuấn Anh



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ đốt trong (207740) - 07

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
2	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
3	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT						6.0	0012345678910	0123456789
4	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
5	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT						6.0	0012345678910	0123456789
6	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT						8.5	0012345678910	0123456789
7	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
8	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
9	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT						6.0	0012345678910	0123456789
10	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT						6.5	0012345678910	0123456789
11	19154050	Hà Ngọc Quốc Hoàng	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
12	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
13	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
14	19154096	Nguyễn Hà Phương Nam	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
15	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
16	19154107	Đinh Minh Nhật	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

Cán bộ chấm thi 2

Nguyen Van Tuan Binh



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ đốt trong (207740) - 08

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
2	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
3	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
4	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
5	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
6	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
7	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT						7.5	0012345678910	0123456789
8	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
9	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT						7.5	0012345678910	0123456789
10	19154120	Lục Lưu Phước	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
11	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
12	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
13	19154161	Lâm Gia Thuận	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
14	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
15	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
16	19154170	Hoàng Ngọc Tinh	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ đốt trong (207740) - 08

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154168	Lê Chánh Tĩnh	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
18	19154171	Lý Ngọc Toàn	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
19	19154172	Nguyễn Tiến Triều	DH19OT						8.5	0012345678910	0123456789
20	19154190	Phạm Trương Quốc Việt	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
21	19154191	Trương Quốc Việt	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
22	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
23	19154195	Nguyễn Ngọc Vinh	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 00

Hiện diện: 23

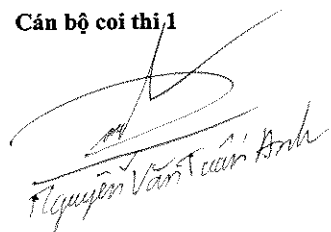
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

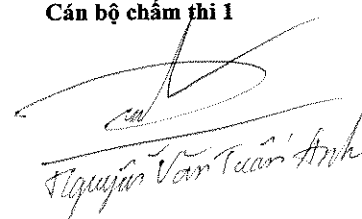
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Văn Tuấn Anh


TS. Nguyễn Văn Tuấn Anh


Nguyễn Văn Tuấn Anh



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Lập trình điều khiển trên ô tô (207745) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT				5	6.5	6.4	0012345678910	0123456789
2	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT				10	9	9.1	0012345678910	0123456789
3	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT				10	10	10	0012345678910	0123456789
4	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT				10	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
5	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT				10	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
6	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT				10	9	9.1	0012345678910	0123456789
7	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT				10	9	9.1	0012345678910	0123456789
8	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT				8.3	8	8	0012345678910	0123456789
9	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
10	19154032	Võ Trung Dương	DH19OT				10	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
11	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
12	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT				8.3	6.5	6.7	0012345678910	0123456789
13	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
14	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
15	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT				8.5	7	8	0012345678910	0123456789
16	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT				6.7	7	7	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Lập trình điều khiển trên ô tô (207745) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT				5	7	6.8	0012345678910	0123456789
18	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT				10	9.5	9.6	0012345678910	0123456789
19	19154046	Phạm Quang Hiếu	DH19OT				8.3	6.5	6.7	0012345678910	0123456789
20	19154048	Trần Hòa	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
21	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT				10	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
22	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT						✓	0012345678910	0123456789
23	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT				10	6.5	6.9	0012345678910	0123456789
24	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
25	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT				8.3	7.5	7.6	0012345678910	0123456789
26	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT				10	7	7.3	0012345678910	0123456789
27	19154072	Hồ Trường Quốc Khánh	DH19OT				10	6.5	6.9	0012345678910	0123456789
28	19154073	Nguyễn Duy Khánh	DH19OT				10	9.5	9.6	0012345678910	0123456789
29	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT				0	7.5	6.8	0012345678910	0123456789
30	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT				0	8	7.2	0012345678910	0123456789
31	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT				10	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
32	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT				10	7	7.3	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Lập trình điều khiển trên ô tô (207745) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154090	Trình Đình Vũ Long	DH19OT				10	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
34	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT				10	7	7.3	0012345678910	0123456789
35	19154093	Nguyễn Lê Anh Minh	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
36	19154096	Nguyễn Hà Phương Nam	DH19OT				17	8	7.4	0012345678910	0123456789
37	19130141	Phạm Hoàng Nam	DH19OT				67	8	7.5	0012345678910	0123456789
38	19154107	Đinh Minh Nhật	DH19OT				10	9.5	9.6	0012345678910	0123456789
39	19154108	Trương Minh Nhật	DH19OT				10	7	7.3	0012345678910	0123456789
40	19154109	Dương Hoài Nhị	DH19OT				10	7	7.3	0012345678910	0123456789
41	19154104	Trần Thanh Nguyễn	DH19OT				8.5	8	8	0012345678910	0123456789
42	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
43	19154120	Lục Lưu Phước	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
44	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT				10	7	7.3	0012345678910	0123456789
45	19154129	Phạm Ngọc Sang	DH19OT				10	9	9.1	0012345678910	0123456789
46	19154130	Trần Huỳnh Ngọc Sang	DH19OT				10	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
47	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
48	19154142	Nguyễn Bảo Thanh	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Lập trình điều khiển trên ô tô (207745) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT				10	9	9.1	0012345678910	0123456789
50	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
51	19154148	Lương Tất Thành	DH19OT				8.3	8	8	0012345678910	0123456789
52	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT						✓	0012345678910	0123456789
53	19154158	Trần Hữu Thiện	DH19OT				10	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
54	19154159	Nguyễn Thanh Thông	DH19OT				6.7	7.5	7.4	0012345678910	0123456789
55	19154161	Lâm Gia Thuận	DH19OT				10	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
56	19154162	Sơn Minh Thuận	DH19OT				10	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
57	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT				6.7	7	7	0012345678910	0123456789
58	19154165	Lê Việt Tiệp	DH19OT				6.7	8	7.9	0012345678910	0123456789
59	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
60	19154170	Hoàng Ngọc Tinh	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
61	19154900	Nguyễn Huy Toàn	DH19OT				10	9	9.1	0012345678910	0123456789
62	19154172	Nguyễn Tiến Triều	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
63	19154173	Trần Hải Triều	DH19OT				6.7	8	7.9	0012345678910	0123456789
64	19154174	Nguyễn Văn Triệu	DH19OT				10	8.5	8.7	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Lập trình điều khiển trên ô tô (207745) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	19154176	Nguyễn Lập Trường	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
66	19154177	Nguyễn Nguyên Trường	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
67	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT				10	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
68	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT				10	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
69	19154182	Đoàn Phạm Thanh Tùng	DH19OT				6.7	8	7.9	0012345678910	0123456789
70	19154185	Trần Lâm Tùng	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
71	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
72	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT				6.7	6.5	6.5	0012345678910	0123456789
73	19154190	Phạm Trương Quốc Việt	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
74	19154191	Trương Quốc Việt	DH19OT				10	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
75	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
76	19154195	Nguyễn Ngọc Vinh	DH19OT				10	8	8.2	0012345678910	0123456789
77	19154196	Thạch Thanh Vũ	DH19OT				10	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
78	19154197	Trần Thế Vỹ	DH19OT				10	7.5	7.8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

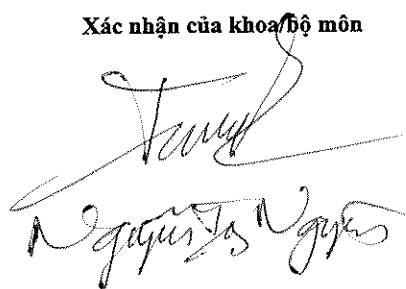
Cán bộ coi thi 1

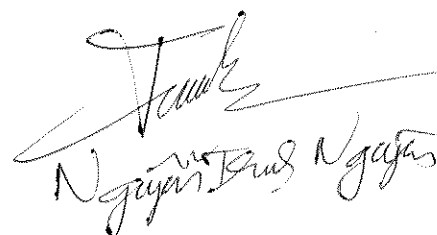
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Trịnh Nguyên


Nguyễn Trịnh Nguyên



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Lập trình điều khiển trên ô tô (207745) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT				10	7.5	7.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT				10	8	8.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT				10	8	8.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT				8.3	7.5	7.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT				10	7.5	7.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT				10	7.5	7.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT				10	7	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT				6.7	6	6.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT				10	8	8.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT				8.3	7	7.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT				10	7	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT				6.7	7.5	7.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19154050	Hà Ngọc Quốc Hoàng	DH19OT				10	7.5	7.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19154059	Nguyễn Ngô Nhật Huy	DH19OT				10	8	8.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Lập trình điều khiển trên ô tô (207745) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
							%	%	thi	T. kết		
17	19154060	Trần Quang	Huy	DH19OT				10	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19154063	Trịnh Nhật	Huy	DH19OT						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	19154055	Bùi Phước	Hưng	DH19OT				10	8,5	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	19154056	Nguyễn Hải	Hưng	DH19OT				10	7	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19154065	Diệp Vĩ	Khang	DH19OT				10	9,5	9,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	19154066	Đoàn Duy	Khang	DH19OT				10	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	19154071	Võ Minh	Khang	DH19OT				10	7	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	19154074	Trần Công	Khánh	DH19OT				10	9,5	9,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	18154057	Đặng Nguyễn Minh	Kiên	DH18OT				10	9,5	9,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	19154081	Trương Bảo	Lam	DH19OT						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	19154082	Đặng Quang	Lâm	DH19OT				3,3	7	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	19154083	Nguyễn Bảo	Lâm	DH19OT				8,3	6	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	19154087	Nguyễn Minh	Lộc	DH19OT				6,7	8	7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	19154089	Trần Đức	Lợi	DH19OT				10	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	19154092	Trần Đức	Mạnh	DH19OT				10	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	19154095	Nguyễn Xuân	Minh	DH19OT				10	7	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Lập trình điều khiển trên ô tô (207745) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT				8,3	7	7,1	0012345678910	0123456789
34	19154099	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19OT				10	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
35	19154100	Trần Hoàng Nghiêm	DH19OT				10	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
36	19154101	Dương Trọng Ngôn	DH19OT				10	8	8,2	0012345678910	0123456789
37	19154102	Nguyễn Cao Nguyên	DH19OT						✓	0012345678910	0123456789
38	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT				6,7	8	7,9	0012345678910	0123456789
39	19154106	Dương Hoài Nhân	DH19OT				10	7	7,3	0012345678910	0123456789
40	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT				10	8	8,2	0012345678910	0123456789
41	19154118	Não Hoài Phúc	DH19OT				1		✓	0012345678910	0123456789
42	19154119	Phạm Gia Phúc	DH19OT				10	7	7,3	0012345678910	0123456789
43	17154072	Trần Thanh Phúc	DH17OT				10	7	7,3	0012345678910	0123456789
44	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT				10	8	8,2	0012345678910	0123456789
45	19154123	Phạm Minh Phương	DH19OT				6,7	8	7,9	0012345678910	0123456789
46	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT				10	8	8,2	0012345678910	0123456789
47	19154127	Nguyễn Văn Quý	DH19OT				10	7	7,3	0012345678910	0123456789
48	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT				10	8	8,2	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Lập trình điều khiển trên ô tô (207745) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154131	Lê Hoàng Sơn	DH19OT				10	7	7,3	0012345678910	0123456789
50	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT				10	8	8,2	0012345678910	0123456789
51	19154136	Phạm Văn Tân	DH19OT				6,7	5,5	5,6	0012345678910	0123456789
52	19154137	Huỳnh Anh Tấn	DH19OT				10	8	8,2	0012345678910	0123456789
53	19154139	Dương Bảo Thái	DH19OT				10	8	8,2	0012345678910	0123456789
54	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT				10	8	8,2	0012345678910	0123456789
55	19154145	Hồ Phan Long Thành	DH19OT				10	9	9,1	0012345678910	0123456789
56	19154147	Lê Văn Thành	DH19OT				6,7	7	7,0	0012345678910	0123456789
57	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT				10	8	8,2	0012345678910	0123456789
58	19154151	Trần Trí Thành	DH19OT				10	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
59	19154141	Nguyễn Quốc Thắng	DH19OT				10	8	8,2	0012345678910	0123456789
60	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT						✓	0012345678910	0123456789
61	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT				10	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
62	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT				10	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
63	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT				10	8	8,2	0012345678910	0123456789
64	19154168	Lê Chánh Tính	DH19OT				10	8	8,2	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Lập trình điều khiển trên ô tô (207745) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	19154169	Nguyễn Trọng Tính	DH19OT				67	0	07	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	19154171	Lý Ngọc Toàn	DH19OT				10	8	82	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	19154184	Nguyễn Thanh Tùng	DH19OT				10	7	73	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT				83	65	67	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

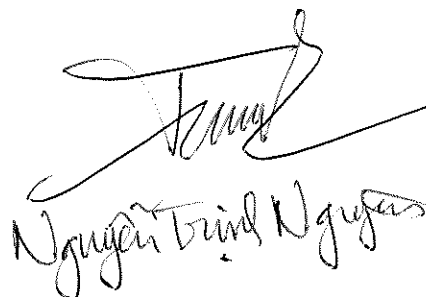
Cán bộ coi thi 1

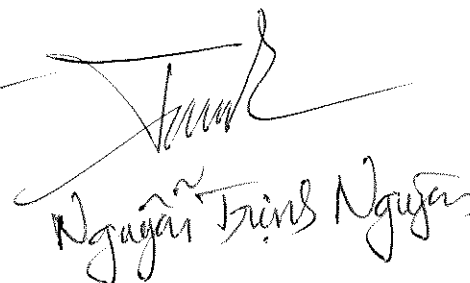
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Trịnh Nguyên


Nguyễn Trịnh Nguyên



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thí nghiệm ô tô (207748) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT				10	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
2	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT				10	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
3	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT				10	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
4	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT				7,5	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
5	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT				10	6,5	7	0012345678910	0123456789
6	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT				2,5	8,5	7,6	0012345678910	0123456789
7	18154003	Trương Long Ân	DH18OT				10	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
8	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT				10	6,5	7	0012345678910	0123456789
9	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT				10	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
10	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT				10	5	5,8	0012345678910	0123456789
11	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT				10	9	9,2	0012345678910	0123456789
12	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT				10	9,5	9,6	0012345678910	0123456789
13	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT				10	9	9,2	0012345678910	0123456789
14	18154027	Đinh Quốc Dũng	DH18OT				10	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
15	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT				10	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
16	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT				2,5	9	8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thí nghiệm ô tô (207748) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT				10	95	9,6	0012345678910	0123456789
18	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT				10	75	7,9	0012345678910	0123456789
19	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT				10	65	7	0012345678910	0123456789
20	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT				10	7	7,5	0012345678910	0123456789
21	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT				10	9	9,2	0012345678910	0123456789
22	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT				10	75	7,9	0012345678910	0123456789
23	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT				10	95	9,6	0012345678910	0123456789
24	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT				10	95	9,6	0012345678910	0123456789
25	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT				10	95	9,6	0012345678910	0123456789
26	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT				10	9	9,2	0012345678910	0123456789
27	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT				10	85	8,7	0012345678910	0123456789
28	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT				0	9	7,7	0012345678910	0123456789
29	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT				10	5	5,8	0012345678910	0123456789
30	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT				10	65	7	0012345678910	0123456789
31	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT				10	95	9,6	0012345678910	0123456789
32	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT				5	85	8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thí nghiệm ô tô (207748) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154047	Nguyễn Hữu Minh Huy	DH18OT				25	65	59	0012345678910	0123456789
34	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT				75	75	75	0012345678910	0123456789
35	18154041	Nguyễn Minh Hung	DH18OT				10	85	87	0012345678910	0123456789
36	18154042	Nguyễn Hữu Trọn Hưởng	DH18OT				10	85	87	0012345678910	0123456789
37	18154051	Đình Nhĩ Khang	DH18OT				10	5	58	0012345678910	0123456789
38	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT				25	85	86	0012345678910	0123456789
39	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT				0	85	72	0012345678910	0123456789
40	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT				10	75	79	0012345678910	0123456789
41	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT				10	85	87	0012345678910	0123456789
42	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT				10	75	79	0012345678910	0123456789
43	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT				10	65	7	0012345678910	0123456789
44	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT				25	7	63	0012345678910	0123456789
45	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT				10	95	96	0012345678910	0123456789
46	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT				10	75	79	0012345678910	0123456789
47	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT				10	8	83	0012345678910	0123456789
48	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT				10	75	79	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thí nghiệm ô tô (207748) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
							%	%	thi	T. kết		
49	18154068	Phạm Kim	Long	DH18OT				10	8	8,3	0012345678910	0123456789
50	18154064	Nguyễn Văn	Lợi	DH18OT				10	8	8,3	0012345678910	0123456789
51	18154070	Nguyễn Hoàng	Nam	DH18OT				0	7,5	6,4	0012345678910	0123456789
52	18154071	Nguyễn Thế	Nam	DH18OT				10	9	9,2	0012345678910	0123456789
53	18154072	Phan Thành	Nam	DH18OT				10	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
54	18154073	Tạ Hoàng	Nam	DH18OT				10	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
55	18154075	Huỳnh Trọng	Nghĩa	DH18OT				10	9	9,2	0012345678910	0123456789
56	18154076	Văn Hữu	Nghĩa	DH18OT				10	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
57	18154077	Nguyễn Thanh	Nghiêm	DH18OT				10	4	4,9	0012345678910	0123456789
58	18154078	Đặng Văn	Ngoan	DH18OT				10	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
59	18154081	Võ Nhật	Nguyên	DH18OT				10	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
60	18154083	Phạm Minh	Nhã	DH18OT				10	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
61	18154086	Võ Đình	Nhân	DH18OT				10	9,5	9,6	0012345678910	0123456789
62	17154066	Đinh Xuân	Nhật	DH17OT				2,5	6,5	5,9	0012345678910	0123456789
63	18154088	Nguyễn Đình	Nhật	DH18OT				10	9	9,2	0012345678910	0123456789
64	18154089	Đoàn Minh	Nhớ	DH18OT				10	9	9,2	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thí nghiệm ô tô (207748) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
65	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT				25	9	8	001234567●910	●123456789
66	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT				10	95	96	0012345678●10	012345●789
67	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT				10	95	96	0012345678●10	012345●789
68	18154096	Quách Thanh Phú	DH18OT				10	85	87	001234567●910	0123456●89
69	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT				10	85	87	001234567●910	0123456●89
70	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT				10	85	87	001234567●910	0123456●89
71	17154072	Trần Thanh Phúc	DH17OT				10	7	75	00123456●8910	01234●6789
72	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT				10	65	7	00123456●8910	●123456789
73	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT				25	65	59	001234●678910	012345678●
74	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT				10	95	96	0012345678●10	012345●789
75	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT				25	95	85	001234567●910	01234●6789
76	18154105	Đinh Hoàng Sơn	DH18OT				10	9	92	0012345678●10	01●3456789
77	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT				10	65	7	00123456●8910	●123456789
78	18154107	Nguyễn Hữu Sum	DH18OT				10	95	96	0012345678●10	012345●789
79	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tào	DH18OT				10	7	75	00123456●8910	01234●6789
80	18154108	Trương Thành Tấn	DH18OT				10	85	87	001234567●910	0123456●89



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thí nghiệm ô tô (207748) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
81	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT				10	8	8,3	0012345678910	0123456789
82	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT				10	9	9,2	0012345678910	0123456789
83	18154112	Trần Lê Phương	DH18OT				25	8,5	7,6	0012345678910	0123456789
84	17154093	Ngân Văn	DH17OT				10	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
85	18154116	Đặng Kim	DH18OT				10	6,5	7	0012345678910	0123456789
86	18154113	Lê Đức	DH18OT				10	9	9,2	0012345678910	0123456789
87	18154114	Nguyễn Quốc	DH18OT				5	9	8,4	0012345678910	0123456789
88	18154115	Trần Hữu	DH18OT				10	9	9,2	0012345678910	0123456789
89	18154119	Đoàn Văn	DH18OT				10	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
90	17154095	Huỳnh Minh	DH18OT				7,5	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
91	18154120	Trần Quốc	DH18OT				10	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
92	18154121	Giang Đại	DH18OT				10	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
93	18154122	Hồ Văn	DH18OT				10	8	8,3	0012345678910	0123456789
94	18154123	Trương Văn	DH18OT				/	/	/	0012345678910	0123456789
95	18154124	Nguyễn Hữu	DH18OT				10	5	5,8	0012345678910	0123456789
96	18154125	Nguyễn Văn	DH18OT				/	/	/	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thí nghiệm ô tô (207748) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
97	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT				10	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
98	17154116	Nguyễn Anh Tuấn	DH17OT				10	7	7,5	0012345678910	0123456789
99	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT				10	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
100	18154132	Nguyễn Thanh Tùng	DH18OT				10	6,5	7	0012345678910	0123456789
101	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT				10	9	9,2	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

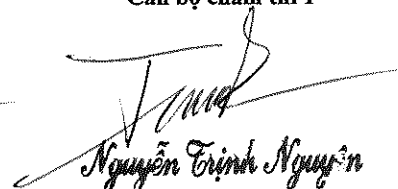
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Trịnh Nguyên


Nguyễn Trịnh Nguyên



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập điều khiển tự động trên ô tô (207749) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
2	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
3	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
4	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT						7	0012345678910	0123456789
5	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
6	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT						7.5	0012345678910	0123456789
7	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT						7	0012345678910	0123456789
8	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
9	18154047	Nguyễn Hữu Minh	DH18OT						7	0012345678910	0123456789
10	18154048	Phạm Trần Gia	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
11	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT						7	0012345678910	0123456789
12	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
13	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
14	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
15	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT						7	0012345678910	0123456789
16	18154077	Nguyễn Thanh Nghiêm	DH18OT						8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập điều khiển tự động trên ô tô (207749) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154083	Phạm Minh Nhã	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
18	18154088	Nguyễn Đình Nhật	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
19	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
20	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
21	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
22	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
23	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT						7	0012345678910	0123456789
24	18154105	Đình Hoàng Sơn	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
25	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tảo	DH18OT						6	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

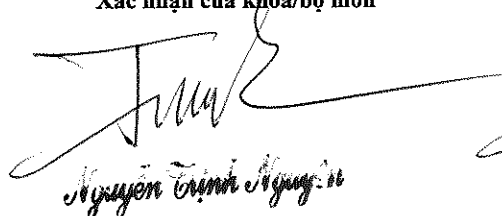
Cán bộ coi thi 1

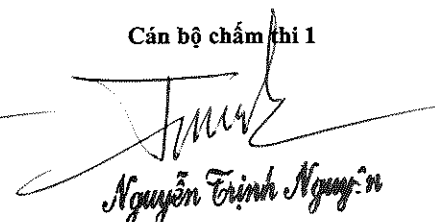
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Trịnh Nguyên


Nguyễn Trịnh Nguyên



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập điều khiển tự động trên ô tô (207749) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
2	18154003	Trương Long Ân	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
3	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT						7	0012345678910	0123456789
4	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
5	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
6	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
7	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
8	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
9	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
10	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
11	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
12	18154108	Trương Thành Tấn	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
13	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
14	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
15	18154112	Trần Lê Phương Thái	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
16	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT						6	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập điều khiển tự động trên ô tô (207749) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
18	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
19	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
20	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
21	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
22	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT						✓	0012345678910	0123456789
23	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
24	18154132	Nguyễn Thanh Tùng	DH18OT						7	0012345678910	0123456789
25	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT						7.5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

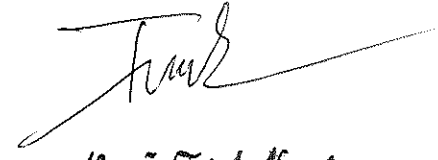
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn


Nguyễn Trịnh Nguyên

Cán bộ chấm thi 1


Nguyễn Trịnh Nguyên

Cán bộ chấm thi 2



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập điều khiển tự động trên ô tô (207749) - 03

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
2	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT						7	0012345678910	0123456789
3	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
4	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT						7	0012345678910	0123456789
5	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT						7	0012345678910	0123456789
6	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
7	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT						5	0012345678910	0123456789
8	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT						6,5	0012345678910	0123456789
9	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT						7,5	0012345678910	0123456789
10	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
11	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
12	17154066	Đinh Xuân Nhật	DH17OT						6	0012345678910	0123456789
13	18154096	Quách Thanh Phú	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
14	17154072	Trần Thanh Phúc	DH17OT						8	0012345678910	0123456789
15	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT						7	0012345678910	0123456789
16	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT						9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02927

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập điều khiển tự động trên ô tô (207749) - 03

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT						3	0012345678910	0123456789
18	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT						✓	0012345678910	0123456789
19	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
20	18154123	Trương Văn Thục	DH18OT						✓	0012345678910	0123456789
21	17154102	Lê Cao Quốc Tiến	DH17OT						6	0012345678910	0123456789

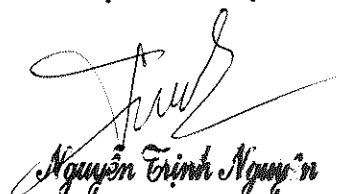
Số lượng vắng:

Hiện diện:

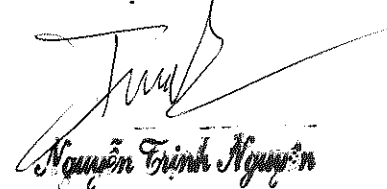
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn


Nguyễn Trịnh Nguyên

Cán bộ chấm thi 1


Nguyễn Trịnh Nguyên

Cán bộ chấm thi 2



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập điều khiển tự động trên ô tô (207749) - 05

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
2	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
3	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
4	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
5	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
6	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT						8,5	0012345678910	0123456789
7	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
8	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
9	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT						7	0012345678910	0123456789
10	18154051	Đinh Nhĩ Khang	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
11	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
12	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
13	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
14	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
15	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
16	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT						6	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập điều khiển tự động trên ô tô (207749) - 05

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT						7	0012345678910	0123456789
18	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
19	18154089	Đoàn Minh Nhó	DH18OT						7	0012345678910	0123456789
20	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT						6	0012345678910	0123456789
21	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT						7,5	0012345678910	0123456789
22	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT						7,5	0012345678910	0123456789
23	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT						7	0012345678910	0123456789
24	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT						7	0012345678910	0123456789
25	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT						6	0012345678910	0123456789

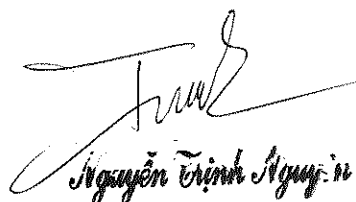
Số lượng vắng:

Hiện diện:

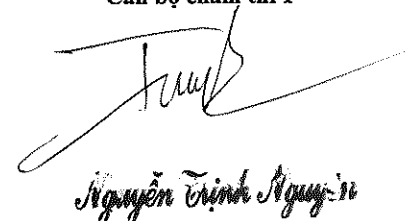
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn


Nguyễn Trịnh Nguyên

Cán bộ chấm thi 1


Nguyễn Trịnh Nguyên

Cán bộ chấm thi 2



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	21154117	Đào Lê Xuân An	DH21OT				10	9	9.4	0012345678910	0123456789
2	21154118	Trần Tuấn An	DH21OT				10	0	4	0012345678910	0123456789
3	21154120	Hoàng Cao Tài Anh	DH21OT				10	5	7	0012345678910	0123456789
4	21154121	Lê Hoàng Việt Anh	DH21OT				10	9.5	9.7	0012345678910	0123456789
5	21154123	Trần Hoàng Anh	DH21OT				10	9	9.4	0012345678910	0123456789
6	21154119	Ngô Hoàng Ân	DH21OT				10	9	9.4	0012345678910	0123456789
7	21154125	Đặng Vũ Quốc Bảo	DH21OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
8	21154002	Lê Chí Bảo	DH21OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
9	21154127	Lê Vũ Bảo	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
10	21154128	Nguyễn Ngọc Bảo	DH21OT				10	9	5.4	0012345678910	0123456789
11	21154124	Ngô Trương Công Bằng	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
12	21154130	Nguyễn Văn Bình	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
13	21154129	Nguyễn Bá Ngọc Bình	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
14	21154132	Phạm Thế Châu	DH21OT				10	7.5	8.5	0012345678910	0123456789
15	21154133	Nguyễn Quốc Chí	DH21OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
16	21154134	Trần Đức Chiến	DH21OT				10	0	4	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154135	Trương Văn Chung	DH21OT				10	8	8.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	21154136	Lê Thành Công	DH21OT				10	6	7.6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	21154137	Lê Thành Công	DH21OT				0	7	4.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	21154139	Phạm Đức Công	DH21OT				10	6	7.6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	21154140	Vô Thành Công	DH21OT				10	8	8.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	21154146	Đặng Trần Danh	DH21OT				10	8	8.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	21154142	Phạm Thế Dân	DH21OT				10	8.5	9.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	21154152	Chế Minh Anh Dũng	DH21OT				10	8	8.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	21154153	Lê Quang Dũng	DH21OT				10	8	8.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	21154154	Trương Tấn Dũng	DH21OT				10	8	8.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	21154155	Vũ Anh Dũng	DH21OT				10	9	9.4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	21154156	Nguyễn Lê Duy	DH21OT				10	8	8.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	21154157	Nguyễn Minh Duy	DH21OT				10	6	7.6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	21154158	Nguyễn Quốc Duy	DH21OT				10	7	8.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	21154159	Vũ Duy	DH21OT				10	4	6.4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	21154147	Lê Văn Đạt	DH21OT				10	6	7.6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	21154148	Võ Đình Đạt	DH21OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
34	21154007	Đình Nhật	DH21OT				0	9	5.4	0012345678910	0123456789
35	21154143	Lê Hoàng Khánh	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
36	21154144	Ngô Hải	DH21OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
37	21154145	Nguyễn Hải	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
38	21154149	Hoàng Thế Tiểu	DH21OT				10	6.5	7.9	0012345678910	0123456789
39	21154011	Diệp Mạnh	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
40	21154150	Nguyễn Hoàng	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
41	21154151	Cao Duy	DH21OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
42	21154160	Nguyễn Đăng Hoàng	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
43	21154161	Nguyễn Văn	DH21OT				10	9	9.4	0012345678910	0123456789
44	21154163	Vũ Trường	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
45	21154164	Đỗ Tuấn	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
46	21154165	Huỳnh Chí	DH21OT				10	8.5	9.1	0012345678910	0123456789
47	21154166	Võ Tấn Anh	DH21OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
48	21154168	Lê Gia	DH21OT				10	9	9.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02929

Trang 4/10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	21154169	Nguyễn Tấn Hiệp	DH21OT				10	6	7.6	00012345678910	0123456789
50	21154171	Huỳnh Trung Hiếu	DH21OT				10	0	4	00012345678910	0123456789
51	21154173	Nguyễn Minh Hiếu	DH21OT				10	7	8.2	00012345678910	0123456789
52	21154174	Nguyễn Ngọc Trung Hiếu	DH21OT				10	6.5	7.9	00012345678910	0123456789
53	21154176	Lê Hoàng An Hòa	DH21OT				10	6	7.6	00012345678910	0123456789
54	21154177	Hà Minh Hoài	DH21OT				10	7	8.2	00012345678910	0123456789
55	21154178	Nguyễn Đức Hoài	DH21OT				10	7	8.2	00012345678910	0123456789
56	21154179	Đoàn Thế Hoàn	DH21OT				10	7.5	8.5	00012345678910	0123456789
57	21154181	Lê Việt Hoàng	DH21OT				10	5	7	00012345678910	0123456789
58	21154183	Nguyễn Minh Hoàng	DH21OT				10	8.5	9.1	00012345678910	0123456789
59	21154184	Nguyễn Văn Hoàng	DH21OT				10	8.5	9.1	00012345678910	0123456789
60	21154186	Nguyễn Phi Hùng	DH21OT				10	9	9.4	00012345678910	0123456789
61	21154187	Nguyễn Thanh Hùng	DH21OT				10	9	9.4	00012345678910	0123456789
62	21154190	Nguyễn Đức Lê Huy	DH21OT				10	5	7	00012345678910	0123456789
63	21154034	Nguyễn Nhật Huy	DH21OT				10	7	8.2	00012345678910	0123456789
64	21154191	Nguyễn Quang Huy	DH21OT				10	6	7.6	00012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	21154192	Phan Hà Huy	DH21OT				10	6.5	7.9	0012345678910	0123456789
66	21154035	Trần Ngọc Gia Huy	DH21OT				10	0	4	0012345678910	0123456789
67	21154193	Phan Đình Minh Kha	DH21OT				10	9	9.4	0012345678910	0123456789
68	21154194	Lê Quang Khải	DH21OT				10	9	9.4	0012345678910	0123456789
69	21154195	Phạm Quang Khải	DH21OT				0	7	4.2	0012345678910	0123456789
70	21154197	Nguyễn Duy Khang	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
71	21154199	Đinh Đăng Khoa	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
72	21154045	Trần Lê Thiên Khoa	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
73	21154200	Đoàn Nguyễn Linh Khôi	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
74	21154201	Bùi Thanh Khuyên	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
75	21154202	Nguyễn Trung Kiên	DH21OT				10	9	9.4	0012345678910	0123456789
76	21154046	Hứa Tuấn Kiệt	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
77	21154204	Nguyễn Anh Kiệt	DH21OT				10	9	9.4	0012345678910	0123456789
78	21154206	Nguyễn Vũ Anh Kiệt	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
79	21154048	Phan Quốc Kiệt	DH21OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
80	21154207	Lương Thành Kim	DH21OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
81	21154208	Nguyễn Cao Kỳ	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
82	21154209	Nguyễn Văn Lâm	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
83	21154210	Trần Quang Lâm	DH21OT				10	9	9.4	0012345678910	0123456789
84	21154211	Võ Tấn Lịch	DH21OT				10	9	9.4	0012345678910	0123456789
85	21154216	Đinh Hoàng Châu	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
86	21154217	Hồ Quốc Long	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
87	21154218	Nguyễn Vũ Thiên	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
88	21154219	Võ Công Long	DH21OT				10	5	7	0012345678910	0123456789
89	21154220	Vũ Phi Long	DH21OT				-		✓	0012345678910	0123456789
90	21154213	Hoàng Xuân Lộc	DH21OT				10	6.5	7.9	0012345678910	0123456789
91	21154221	Hoàng Phi Lót	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
92	21154222	Hồ Nguyễn Thành Luân	DH21OT				10	9	9.4	0012345678910	0123456789
93	21154223	Lê Hữu Luân	DH21OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
94	21154224	Nguyễn Kim Luân	DH21OT				10	7.5	8.5	0012345678910	0123456789
95	21154226	Nguyễn Thành Luân	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
96	21154227	Võ Thành Luân	DH21OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
97	21154228	Văn Trọng Lực	DH21OT				10	7.5	8.5	0012345678910	0123456789
98	21154230	Phạm Văn Mạnh	DH21OT				10	7.5	8.5	0012345678910	0123456789
99	21154229	Lê Mẫn	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
100	21154231	Trần Đức Mến	DH21OT				10	6.5	7.9	0012345678910	0123456789
101	21154232	Nguyễn Bình Minh	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
102	21154233	Nguyễn Bửu Minh	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
103	21154235	Phạm Ngọc Minh	DH21OT				10	7.5	8.5	0012345678910	0123456789
104	21154234	Phạm Ngô Nhật Minh	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
105	21154236	Bùi Khắc Nam	DH21OT				10	9	9.4	0012345678910	0123456789
106	21154237	Giang Hạo Nam	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
107	21154238	Trần Hoài Nam	DH21OT				10	9	9.4	0012345678910	0123456789
108	21154241	Lê Minh Nghĩa	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
109	21154065	Lương Trọng Nghĩa	DH21OT				10	0	4	0012345678910	0123456789
110	21154242	Nguyễn Minh Nghĩa	DH21OT				10	9.5	9.4	0012345678910	0123456789
111	21154244	Đoàn Ngọc	DH21OT				10	7	8.5	0012345678910	0123456789
112	21154245	Vũ Xuân Ngọc	DH21OT				10	0	4	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
113	21154246	Mã Vinh Nguyên	DH21OT				10	8	8.8	00012345678910	0123456789
114	21154066	Nguyễn Đức Nguyên	DH21OT				10	8	8.8	00012345678910	0123456789
115	21154247	Nguyễn Thảo Nguyên	DH21OT				10	8.5	9.1	00012345678910	0123456789
116	21154248	Phan Tam Nguyên	DH21OT				10	9	9.4	00012345678910	0123456789
117	21154249	Huỳnh Thành Nhân	DH21OT				10	8	8.8	00012345678910	0123456789
118	21154250	Nguyễn Đình Nhân	DH21OT				10	9.5	9.7	00012345678910	0123456789
119	21154251	Nguyễn Minh Nhật	DH21OT				10	6.5	7.9	00012345678910	0123456789
120	21154071	Dương Thị Hồng Nhung	DH21OT				10	9	9.4	00012345678910	0123456789
121	21154253	Dương Minh Nhựt	DH21OT				6	7	4.2	00012345678910	0123456789
122	21154255	Nguyễn Minh Nhựt	DH21OT				10	10	10	00012345678910	0123456789
123	21154256	Võ Ngọc Minh Nhựt	DH21OT				0	5	3	00012345678910	0123456789
124	21154257	Huỳnh Tấn Phát	DH21OT				10	7	8.2	00012345678910	0123456789
125	21154258	Lê Thành Phát	DH21OT				10	8.5	9.1	00012345678910	0123456789
126	21154075	Lê Văn Phát	DH21OT				10	9	9.4	00012345678910	0123456789
127	21154259	Nguyễn Tiến Phát	DH21OT				10	7	8.2	00012345678910	0123456789
128	21154260	Võ Thiên Phát	DH21OT				10	6	7.6	00012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
129	21154261	Trần Thanh Phong	DH21OT				0	5	3	00012345678910	0123456789
130	21154262	Bùi Phan Duy Phú	DH21OT				10	8	8.8	00012345678910	0123456789
131	21154265	Lê Thiên Phú	DH21OT				10	7	8.2	00012345678910	0123456789
132	21154266	Nguyễn Thanh Phú	DH21OT				10	6.5	7.9	00012345678910	0123456789
133	21154267	Tăng Văn Phú	DH21OT				10	8	8.8	00012345678910	0123456789
134	21154268	Lê Hồng Phúc	DH21OT				10	7.5	8.5	00012345678910	0123456789
135	21154269	Nguyễn Hoàng Phúc	DH21OT				10	7	8.2	00012345678910	0123456789
136	21154272	Trần Tô Đức Phúc	DH21OT				10	7	8.2	00012345678910	0123456789
137	21154273	Trương Hồng Phúc	DH21OT				10	9.5	9.7	00012345678910	0123456789
138	21154275	Trần Bình Phương	DH21OT				10	8.5	9.1	00012345678910	0123456789
139	21154279	Đỗ Nhật Quang	DH21OT				10	8	8.8	00012345678910	0123456789
140	21154280	Nguyễn Tuấn Quang	DH21OT				10	6.5	7.9	00012345678910	0123456789
141	21154276	Phạm Nguyễn Minh Quân	DH21OT				10	8	8.8	00012345678910	0123456789
142	21154277	Trần Đức Minh Quân	DH21OT				10	7.5	8.5	00012345678910	0123456789
143	21154278	Vũ Minh Quân	DH21OT				10	9	9.4	00012345678910	0123456789
144	21154281	Đào Phú Quý	DH21OT				10	9	9.4	00012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyễn (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
145	21154093	Phan Thành Tâm	DH21OT				10	8.5	9.1	0012345678910	0123456789
146	21154094	Trịnh Ngọc Tâm	DH21OT				10	8.5	9.1	0012345678910	0123456789
147	21154096	Cao Huỳnh Xuân Thái	DH21OT				10	7.5	8.5	0012345678910	0123456789
148	21154105	Trương Quốc Trung	DH21OT				10	8.5	9.1	0012345678910	0123456789
149	21154108	Nguyễn Ngọc Tuấn	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
150	21154114	Hồ Phạm Tường Vy	DH21OT				10	8.5	9.1	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Trịnh Nguyễn


Nguyễn Trịnh Nguyễn



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT				10	7	8.2	00012345678910	0123456789
2	21154283	Nguyễn Danh Quý	DH21OT				10	7.5	8.5	00012345678910	0123456789
3	21154284	Bùi Ngọc Quyết	DH21OT				10	7	8.2	00012345678910	0123456789
4	21154285	Trần Tiến Sang	DH21OT				10	6	7.6	00012345678910	0123456789
5	21154286	Mai Phước Trường	DH21OT				10	8	8.8	00012345678910	0123456789
6	21154287	Hồ Nguyễn Hoài Sơn	DH21OT				10	9	9.4	00012345678910	0123456789
7	21154288	Lý Hồng Sơn	DH21OT				10	7.5	8.5	00012345678910	0123456789
8	21154290	Nguyễn Thanh Sơn	DH21OT				0	7	4.2	00012345678910	0123456789
9	21154291	Trần Tuấn Sơn	DH21OT				10	8	8.8	00012345678910	0123456789
10	21154293	Đinh Công Tài	DH21OT				10	7.5	8.5	00012345678910	0123456789
11	21154294	Lê Thành Tài	DH21OT				0	7	4.2	00012345678910	0123456789
12	21154295	Nguyễn Chí Tài	DH21OT				10	8.5	9.4	00012345678910	0123456789
13	21154296	Trần Phát Tài	DH21OT				.		✓	00012345678910	0123456789
14	21154297	Giáp Thành Tâm	DH21OT				10	5	7	00012345678910	0123456789
15	21154298	Huỳnh Minh Tâm	DH21OT				10	7	8.2	00012345678910	0123456789
16	21154300	Nguyễn Đình Tâm	DH21OT				10	8	8.8	00012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	21154301	Nguyễn Minh Tâm	DH21OT				10	8.5	9.1	0012345678910	0123456789
18	21154303	Mai Lê Xuân Tấn	DH21OT				10	6.5	7.9	0012345678910	0123456789
19	21154304	Nguyễn Anh Tấn	DH21OT				0	9.5	5.7	0012345678910	0123456789
20	21154305	Hồ Hồng Thạch	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
21	21154312	Đỗ Minh Tất Thành	DH21OT				10	8.5	9.1	0012345678910	0123456789
22	21154315	Phạm Chí Thành	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
23	21154317	Phạm Dương Quốc Thành	DH21OT				10	6.5	7.9	0012345678910	0123456789
24	21154316	Phạm Đình Thành	DH21OT				10	7.5	8.5	0012345678910	0123456789
25	21154318	Trịnh Chấn Thành	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
26	21154306	Đặng Thế Minh Thắng	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
27	21154307	Lê Viết Thắng	DH21OT				0	8	4.8	0012345678910	0123456789
28	21154308	Nguyễn Đức Thắng	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
29	21154310	Trịnh Minh Thắng	DH21OT				10	6.5	7.9	0012345678910	0123456789
30	21154320	Lê Đức Thiện	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
31	21154321	Nguyễn Phước Thiện	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
32	21154323	Nguyễn Hoàng Trường Thịnh	DH21OT				10	6.5	7.9	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	21154324	Huỳnh Phúc Thoại	DH21OT				0	7	4.2	0012345678910	0123456789
34	21154325	Nguyễn Minh Thông	DH21OT				10	8.5	9.1	0012345678910	0123456789
35	21154326	Trần Hoàng Thông	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
36	21154332	Trần Anh Tiên	DH21OT						✓	0012345678910	0123456789
37	21154330	Nguyễn Minh Tiên	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
38	21154331	Vũ Xuân Tiến	DH21OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
39	21154334	Hoàng Tiến Toàn	DH21OT				0	8	4.8	0012345678910	0123456789
40	21154335	Huỳnh Châu Triều Toàn	DH21OT				0	8	4.8	0012345678910	0123456789
41	21154336	Nguyễn Trần Quốc Toán	DH21OT				10	8	4.8	0012345678910	0123456789
42	21154337	Vũ Quốc Toán	DH21OT				10	7.5	8.5	0012345678910	0123456789
43	21154338	Nguyễn Nhật Trí	DH21OT				10	6.5	7.9	0012345678910	0123456789
44	21154339	Trần Anh Trí	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
45	21154340	Trương Công Trí	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
46	21154341	Nguyễn Văn Triệu	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
47	21154342	Tạ Khánh Trinh	DH21OT				10	6.5	7.9	0012345678910	0123456789
48	21154344	Ngô Đức Trung	DH21OT				10	8.5	9.1	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	21154347	Ngô Như Tú	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
50	21154348	Nguyễn Thanh Tú	DH21OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
51	21154349	Hồ Võ Duy Tuấn	DH21OT				10	2.5	8.5	0012345678910	0123456789
52	21154350	Lê Quang Tuấn	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
53	21154351	Nguyễn Hoàng Tuấn	DH21OT				0	2	4.2	0012345678910	0123456789
54	21154352	Nguyễn Minh Tuấn	DH21OT				10	2.5	8.5	0012345678910	0123456789
55	20154240	TRẦN NHẬT TUẤN	DH20OT						✓	0012345678910	0123456789
56	21154354	Trần Xuân Tuấn	DH21OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
57	21154355	Võ Thành Tuấn	DH21OT				10	2.5	8.5	0012345678910	0123456789
58	21154356	Trần Lê Thanh Tùng	DH21OT				10	2.5	8.5	0012345678910	0123456789
59	21154357	Lê Hoàng Viễn	DH21OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
60	21154358	Lê Thế Vinh	DH21OT				0	2	4.2	0012345678910	0123456789
61	21154359	Phan Thế Vinh	DH21OT				0	5.5	3.3	0012345678910	0123456789
62	21154360	Trần Đình Quang Vinh	DH21OT				0	6.5	3.9	0012345678910	0123456789
63	21154361	Hồ Mai Minh Vũ	DH21OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
64	21154362	Lê Phạm Anh Vũ	DH21OT				0	2	4.2	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	21154363	Huỳnh Thái Vy	DH21OT				0	2.5	4.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	21154364	Nguyễn Minh Ý	DH21OT				10	2.5	8.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

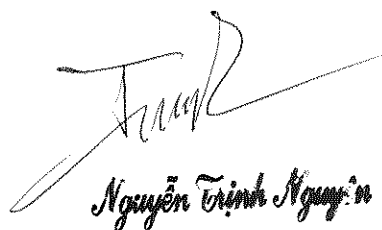
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Trịnh Nguyên


Nguyễn Trịnh Nguyên